



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes No

EXIT VISA: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

Huỳnh
Last

Shuu
Middle

Diệp
First

Current Address

104/2 A đường số 6, Thị xã Tân An Long An

Date of Birth

1942

Place of Birth

Long An

Previous Occupation (before 1975)
(Rank & Position)

Captain

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates : From

06/26/75

To

10/26/83

3. SPONSOR'S NAME:

Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

Trần Trung Nghĩa

Brother-in-law

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

Huỳnh ² Đức

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần Tuyết Nga	July 24-1944	Wife
Huỳnh ² Trương Sơn	March 9-1971	Son
Huỳnh ² Trương ² Nhung	Oct. 10-1973	Daughter
Huỳnh ² Trương ² Việt	Feb. 02-1985	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR O-D-P APPLICANTS

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name: HUYNH HUU DIEP
2. Other name: No
3. Date/place of birth: 1942 Hiệp Thành Long An
4. Residence address: 104/PA đường số 6 Thị trấn Tân An Long An
5. Mailing address: 104/PA đường số 6 Thị trấn Tân An Long An
6. Current occupation: Làm ruộng cho ông bà đi bán

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Name	date of birth	place of birth	Sex	US	Relationship
1. Trần Tuyết Nga	24-7-1946	phước Tân thới Long An	nữ	có chồng	Vợ
2. Huỳnh hiền Trường Sơn	9-3-1971	Bình lập Long An	Nam	độc thân	con
3. Huỳnh hiền Trường Phong	19-10-1973	Saigon	Nam	độc thân	con
4. Huỳnh hiền Trường Thi	20-2-1985	Bình riết Long An	Nam	độc thân	con

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAME

1. Closest Relative in the US

a. Name: TRAN TRONG NGHIA

b. Relationship: anh vợ

c. address:

D. COMPLETE FAMILY LISTING (living, dead)

name

1. Father: Huỳnh hiền Thuận Hiệp Thành Long An (chết)
2. Mother: Trường Thi Phước Hiệp Thành Long An (chết)

3. Spouse: Trần Tuyết Nga 104/2A đường số 6 Long An (sống)

5. Children:

1. Huyát hiên Trường Sơn 104/2A đường số 6 Long An (sống)

2. Huyát hiên Trường Thành 104/2A đường số 6 Long An (sống)

3. Huyát hiên Trường Thi 104/2A đường số 6 Long An (sống)

6. Siblings:

1. Huyát Thi Nga 104/2A đường số 6 Long An (chết)

2. Huyát hiên Trường 104/2A đường số 6 Long An (sống)

3. Huyát Thi Ngọc 104/2A đường số 6 Long An (sống)

F. SERVICE WITH CVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. name of person serving: HUYNH HỮU DIỆP SQ 62A/229603

2. Dates 29-6-1965 from 26-9-1965 to 30-4-1975

3. last rank: Đại úy số quân 62A/229603

4. Ministry / office / Military Unit: Bộ binh / Trung tâm Trường Thành Trung tâm Tiếp hợp quân ở Nam Hà Tỉnh Ninh Thuận

5. name of supervisor / CO: Trung tá Nguyễn Tự quân trưởng quân ở Nam Hà Tỉnh Ninh Thuận

6. Reason for leaving: Tự nguyện thôi việc

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. name of person in reeducation

HUYNH HỮU DIỆP

2. Total time in reeducation: 8 năm 4 tháng 0 ngày

Long An ngày 28-12 năm 1988

Đã ký

Huyát hiên Diệp

Dinh Kien

- 1 gậy ra hai cửa ~ huyện biên độ
- 1 khai sấu cửa ~ huyện biên độ
- 1 Hòn Thử cửa ~ huyện biên độ Trâu Tuyết Nga
- 1 khai sấu cửa ~ huyện biên độ
- 1 khai sấu cửa ~ Trâu Tuyết Nga
- 1 khai sấu cửa ~ huyện biên độ Trâu Sơn
- 1 khai sấu cửa ~ huyện biên độ Trâu Thung
- 1 khai sấu cửa ~ huyện biên độ Trâu Thi
- mìn 2 tảo hình

Lính gọi: Bà Thước mình Thui

Hội gia đình tư nhân châu Âu VN

Tôi tên: HUYNH HỮU DIỆP sinh năm 1942

Vợ tôi: Trần Tuyết Nga sinh ngày 24-7-44

Con: Huỳnh Hiền Trường Sơn sinh năm 1971

- Huỳnh Hiền Trường Thủy 19-10-73

- Huỳnh Hiền Trường Chi 20-2-85

Tất cả đều ở 104/2A đường số 6 Long An
Đã cai lao 8 năm 4 tháng

- cấp bậc chủ độ Công hoạt tại ủy
- chức vụ Trung tâm lương thực tại địa
hợp quân thanh hai Thủ Đức Thủ Đức

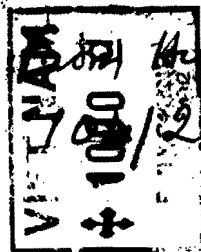
Lính thừa bà

Tôi đã được tin hai bên chính phủ
Việt Nam và Hoa Kỳ đồng ý cho số
quan cai tao được đi tái định cư tại
Hoa Kỳ hoặc các nước khác. Nhưng
tôi không rõ với điều kiện của tôi có
được ở bên chính phủ cho đi không
nhân tài đây tôi cũng tha thiết

kính nhờ bà giúp đỡ cho tôi và
gia đình được nhập cư vào Hoa Kỳ
theo chương trình O-D-P.

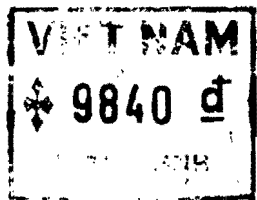
Vào ngày 27-12-84 Tòa Đại
sứ Mỹ đặt tại Châu Văn Đức nhận được
hồ sơ đăng ký giấy tờ của tôi. Vậy tôi
kính mong bà và Hội gia đình tự nhiên
chánh tại Việt Nam can thiệp với chánh
phủ Hoa Kỳ cấp cho tôi và gia đình một
L.O-I để kịp bổ túc vào hồ sơ xin
xuất cảnh tại Việt Nam

Trong khi chờ đợi sự giúp đỡ của
bà và Hội gia đình tự nhiên, chánh tại
Việt Nam tôi thành kính cúi ơn. Tôi
rất mong tin bà



Huỳnh huân Đẹp
Đường 58' & Long An

PARAVION.



Thỉnh gửi

Đ. Bà Thê's Minh Thê

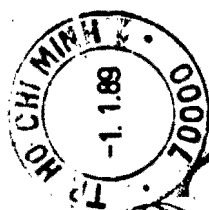
Hội gia đình tư nhân thành thị VN

P.O. Box 5435

Columbia Pike Suite

Arlington Virginia ST 22205

USA



PARAVION VIA AIR MAIL

770 số 001
 OLIG ban hành
 theo chủ trương
 số 2565 ngày
 27 tháng 11 năm
 1972.

((I A Y R A T R A I

Lên tay

[Faint, illegible markings]

1v h/5b

VIỆT NAM CỘNG HÒA
TỐI CAO RHÁP VIỆN

PHÔNG LỤC SỬ TÒA LONG AN
BẢN TRÍCH LỤC BỐ KHAI SANH AN CHẾP TRONG LĂNG PHƯỚC TÂN
HÚNG (LONG AN)
NĂM: 1962 SỔ HIỆU 158

Tên họ đứa con nít Do an số' 2407/NĐ ngày 27-7-1960
Nam, nữ Tòa HGRQ LONG AN đã phân hăng:
Sanh ngày nào TRẦN TUYẾT NGÀ, nữ, Sanh ngày 24-7
Sanh tại chỗ nào - 1944 tại xã Phước Tân Hưng (Long An)
Gén, họ cha là con của Trần Văn Cang và
Cha làm nghề gì Võ thị May
Nhà cửa ở đâu Chép tại
Gén, họ mẹ Phước Tân Hưng, ngày 29-12-1962
Mẹ làm nghề gì Hộ lại
Nhà cửa ở đâu Ký tên: Hồ Công Hiến
PHƯƠNG II: 31 Võ chánh ngày thứ 12 năm 1988

Trích y bốn chánh

Long An ngày 30-3-1970

TUN chánh lục sử

Lục sử

Đại trí song dấu, ký tên



Gia H

Biên lại số: 30/3

Việt Nam Cộng hòa
Quận: Bình Phước
Xã: Bình Lập
Số hiệu: 739

TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 11 tháng 3 năm 1971

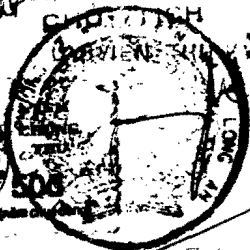
Bên họ đưa trẻ: HUYNH-HỮU TRƯỜNG-SƠN.
Con gái hay con trai: Nam
Ngày sinh: Chín tháng ba đ. 1971
Nơi sinh: Bình Lập (Tong An)
Bên họ người cha: Huỳnh-Hữu-Điền.
Bên họ người mẹ: Trần-Tuyết-Nga.
Vợ chính hay không: Vợ chính
có hôn thú
Bên họ người đứng khai: Hoàng-Đĩnh-Bảng.

- SAO Y:
PHƯỚC

41

12-AM-1388

CHỖ II



Trích lục y bản chính
Bình lập, ngày 30 tháng 5 năm 1974.
Xã trưởng kiêm ủy viên H.Đ.T.H.

Nguyễn Hữu của.

Việt Nam Cộng Hòa
Tỉnh Hải Phòng
Hồng An
Quận: Bình Phước
Xã: Bình Tập.
Số hiệu: 195

Trích lục
 CHỨNG THƯ HÔN THỨ

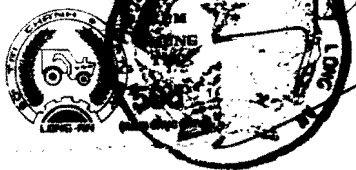
lập ngày 18 tháng 12 năm 1970

Tên họ chồng:	Huỳnh Hữu Diệp.
Ngày và nơi sinh:	1942 tại Brier - Châu.
Tên họ cha chồng:	Huỳnh Hữu Châu (Sống/chết)
Tên họ mẹ chồng:	Trương Thị - Khoa (Sống/chết)
Tên họ vợ:	Trần - Tuyết - Nga
Ngày và nơi sinh:	24-7-1944 tại Phước - Tân Hưng
Tên họ cha vợ:	Trần Văn Cung (Sống/chết)
Tên họ mẹ vợ:	Võ Thị - May (Sống/chết)
Ngày lập hôn thú:	18-12-1970
Có lập hôn khi không:	//

SAO Y:

PHUC 2000 21

CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THƯỜNG



20 June 1961

Trích lục ý ban chánh:
 Long an ngày 9 tháng 10 năm 1973
 trên chiếc Hô Heli

Nguyễn - Văn - Ba

Đô-Thành, Sài Gòn
Toà Hành Chánh
Quận 2
Số hiệu: 10682A
Phòng Huyền Sĩ

Việt-Nam. Cộng Hoà
Hộ tịch.

10/100

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH.

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba (1973)

Tên họ đứa nhỏ	HUYNH HỮU TRƯỞNG THỦY
Phái	Nữ
Ngày sanh	Mười chín tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba, 19/10/73.
Nơi sanh	Sài Gòn 264 Công Quỳnh
Tên, họ người cha	Huỳnh Hữu Dệp.
Tuổi	Ba mươi một
Nghề nghiệp	Quân nhân
Nơi cư ngụ	Long An - Thanh - Tâm
Tên, họ người mẹ	Trần Tuyết Nga.
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề nghiệp	Giáo - Viên
Nơi cư ngụ	Long An - Thanh - Tâm
Vợ chồng hay thú	Vợ chồng.

- SAOY:

PHUONG

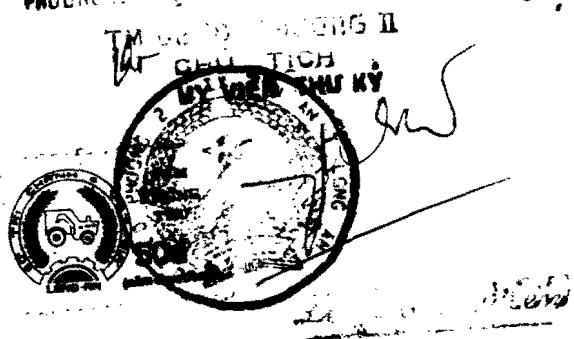
12 NĂM 1988 Klap tại Sài Gòn, 24 tháng 10 năm 1973

Trích - lục y Bản - Chánh

Sài Gòn, ngày 24 tháng 10 năm 1973

KT. Quận - Trưởng Quận 2.

Đại úy Vũ - Minh - Hoàng.



Phường, xã, thị trấn: Tân an
Quận, huyện: Sông An
Thành phố, thị trấn: Sông An

GIẤY KHAI SINH

Số: 7009
Quyền số: II

[illegible]

Họ và tên	Huỳnh Hữu Giảng Chi		Nam, Nữ: Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi tháng hai một chín tám lăm. 20 - 2 - 1985.		
Nơi sinh	Bến Tre Long An.		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Huỳnh Hữu Diệp 1942	Trần Tuyết Nga 1944	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	Làm ruộng 104/2A đường số 6	Làm ruộng 104/2A đường số 6	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNEC của người đứng khai	Huỳnh Hữu Diệp		

58: ✓ 15Y.PZ

SAS 7500 CRANH

PHUONG: 21

12 năm 1988

Đăng ký ngày 05 tháng 3 năm 1985

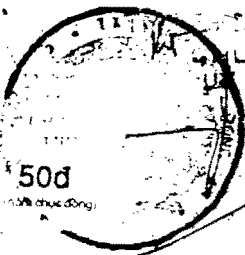
TM/UBND _____ ký tên, đóng dấu

(ghi rõ họ tên, chức vụ)

Chau: Fish

Ký tên và đóng dấu

Nguyễn Văn Lô



Huỳnh Huệ Diễm



TRẦN TUYẾT NGÀ
 Năm sinh: 24.7.44
 Nơi sinh: xã Phước
 Tân Hưng tỉnh
 Long An



Huỳnh Hữu Diệp
 Năm sinh: 1946
 tại xã Hợp Thành
 tỉnh: Long An



Huỳnh Hữu Trường
 Sơn.
 năm sinh: 1971
 nơi sinh: Bình Lập
 Long An



Huỳnh Hữu Trường
 Thi
 sinh ngày: 20.2.85
 nơi sinh: Long An



Huyệh bìn
Điệp
SN 1942

Đặng huyệh Thượg
Thuy
năm sinh 19-10-
1983

CONTROL

____ Card
____ ~~Doc. Request; Form~~
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

6/1/89 form